

Nhập học đại học dành cho sinh viên nước
ngoài năm 2026

Cẩm nang tuyển sinh hệ
đại học nhập học mới và
hệ chuyển tiếp.



PAI CHAI UNIVERSITY



▣ Nội dung

1. Lịch trình tuyển sinh & nội dung	3
2. Ngành tuyển sinh & số lượng	5
3. Điều kiện ứng tuyển & giấy tờ cần thiết	9
4. Phương pháp sàng lọc và tuyển chọn	11
5. Lệ phí và ghi chú	11

<Mẫu>

– Đơn đăng ký xét tuyển dành cho học sinh đại học nhập học mới, có bố mẹ là người nước ngoài	12
– Đơn đăng ký xét tuyển dành cho học sinh đại học hệ chuyển tiếp, có bố mẹ là người nước ngoài	13
– Thư chấp thuận nhập học chuyển tiếp đặc biệt cho sinh viên chuyển tiếp, có bố mẹ là người nước ngoài	14

1. Lịch tuyển chọn và nội dung chính:

가. Lịch tuyển sinh kỳ xuân

Phân loại	Lịch trình tiến hành	Nội dung chính
Nhận đơn đăng ký	15.10 (Thứ 4) ~ 17:00, 24.10.25 (Thứ 6)	– Tiếp nhận đơn online (U-way)
Nộp hồ sơ (Bản cứng)	15.10 (Thứ 4) ~ 17:00, 31.10.25 (Thứ 6)	– Tiếp nhận qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp.
Kết quả trúng tuyển	21.11.2025.(Thứ 6)	– Trang thông tin tuyển sinh (enter.pcu.ac.kr)
Thời hạn nộp học phí	24.11.(Thứ 2) ~ 28.11.2025.(Thứ 6) đến giờ đóng cửa ngân hàng	– Chi nhánh ngân hàng Kookmin (Tầng 1 tòa P)

※ Việc đánh giá tư cách ứng tuyển được tiến hành toàn diện ở từng giai đoạn sàng lọc, chẳng hạn như trình độ ứng tuyển cơ bản và điều tra lý lịch học vấn, và kết quả sàng lọc không được công bố. Chỉ những học sinh được xác định là có vấn đề trong quá trình sàng lọc mới được liên hệ riêng.

나. Lịch tuyển sinh kỳ thu

Phân loại	Lịch trình tiến hành	Nội dung chính
Nhận đơn đăng ký	04.05 (Thứ 2) ~ 17:00, 11.5.25 (Thứ 2)	– Tiếp nhận đơn online (U-way) https://www.uwayapply.com/
Nộp hồ sơ (Bản cứng)	04.05 (thứ 2) ~ 17:00, 15.5.25 (Thứ 6)	– Tiếp nhận qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp.
Kết quả trúng tuyển	19.06.2025.(Thứ 6)	– Trang thông tin tuyển sinh (enter.pcu.ac.kr)
Thời hạn nộp học phí	22.06.(Thứ 2) ~ 26.06.2025.(Thứ 6) đến giờ đóng cửa ngân hàng	– Chi nhánh ngân hàng Kookmin (Tầng 1 tòa P)

※ Việc đánh giá tư cách ứng tuyển được tiến hành toàn diện ở từng giai đoạn sàng lọc, chẳng hạn như trình độ ứng tuyển cơ bản và điều tra lý lịch học vấn, và kết quả sàng lọc không được công bố. Chỉ những học sinh được xác định là có vấn đề trong quá trình sàng lọc mới được liên hệ riêng.

다. Chú ý

- 1) Đơn đăng ký chỉ được chấp nhận đăng ký trực tuyến.
- 2) Nếu khó xác minh tính thật giả chỉ với các tài liệu do người ứng tuyển nộp, thì có thể yêu cầu các tài liệu bổ sung.
- 3) Các tài liệu đã nộp và lệ phí nộp đơn sẽ không được hoàn trả.
- 4) Đơn vị tuyển sinh của trường chỉ được đăng ký một khoa (khoa).
- 5) Nếu được xác nhận rằng bạn đã vào trường bằng các phương tiện gian lận hoặc lừa đảo, việc nhập học của bạn sẽ bị hủy bỏ ngay cả khi bạn vẫn đang theo học.
- 6) Việc hoàn trả học phí được thực hiện theo quy định của nhà trường.

7) Đối với tuyển sinh đại học, ngành tuyển sinh được tuyển chọn trong quá trình tuyển sinh theo quy định của nhà trường.

8) Khoa Giáo dục mầm non, Khoa Kiến trúc và Khoa Điều dưỡng không tuyển sinh.

9) Sinh viên quốc tế được đăng ký bảo hiểm y tế với tư cách là thành viên địa phương của Bảo hiểm Y tế Quốc dân.

【Cách nộp hồ sơ】

▶ Đến trực tiếp nộp hoặc gửi đến địa chỉ:

(35345) 대전광역시 서구 배재로 155-40(도마동) 배재대학교 국제교류관 1층 126호 입학처 입학팀

– English Address: Room 126, Gukje Gyoryugwan , Pai Chai University
155-40 Baejae-ro(Doma-Dong), Seo-gu, Daejeon, South of Korea

2. Ngành tuyển sinh và số lượng

가. Ngành và số lượng tuyển sinh dành cho sinh viên mới

Khởi	Tên Khoa	Chuyên ngành	Ngành	Số lượng
Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn	Khoa Ngôn ngữ Văn học và Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc		Khoa nhân văn và khoa học xã hội	Không giới hạn
	Khoa tiếng Nhật			
	Khoa Pháp luật Cảnh sát	Ngành cảnh sát học		
		Ngành luật học		
	Khoa Hành chính công			
Khoa tư vấn tâm lý				
Viện quản trị	Khoa Quản trị kinh doanh			
	Khoa CNTT quản lý kinh doanh			
	Khoa thương mại quốc tế			
	Khoa Quản trị Du lịch			
	Khoa quản lý hàng không khách sạn			
	khoa Dịch vụ Hàng không			
Viện Văn Hóa Nghệ Thuật	Khoa thông tin truyền thông		Kỹ thuật	
	Khoa quần áo và thời trang			
Viện Đời sống và Sức khỏe	Khoa Dinh dưỡng & Thực phẩm			
	Khoa Ẩm thực & Nấu ăn			
	Khoa Làm vườn & Lâm nghiệp			
	Khoa Phúc lợi & Y tế cộng đồng			
	Khoa Công nghệ Sinh học			
Viện AI · SW – IT tổng hợp	Khoa Điện – Điện tử			
	Khoa Pin thông minh			
	Khoa Công nghệ Drone & Robot			
	Khoa Xây dựng Đường sắt			
	Khoa Kỹ thuật Phần mềm	Ngành Khoa học Máy tính		
		Ngành Phần mềm học		
		Ngành bảo mật Thông tin		
Ngành Công nghệ Trò chơi				
Viện Văn Hóa Nghệ Thuật	Khoa Kiến trúc Nội thất			
	Khoa kiến trúc cảnh quan			
Viện Đời sống và Sức khỏe	Khoa Phục hồi Chức năng & Phúc lợi Thể thao			Nghệ thuật và thể thao
Viện Văn Hóa Nghệ Thuật	Khoa Nghệ thuật & Webtoon	Ngành Nghệ thuật & Webtoon		
		Ngành Hoạt hình Trò chơi		
	Khoa thiết kế	Ngành Thiết kế Truyền thông		
		Ngành Thiết kế Công nghiệp		
	Khoa Quảng cáo, Quay phim & nhiếp ảnh			
	Khoa Chăm Sóc Sắc Đẹp			
	Khoa Nghệ thuật Biểu diễn			
Khoa Thể thao Giải trí	Ngành Huấn luyện Thể thao & Phục hồi Sức khỏe			
	Ngành Marketing Thể thao			
Viện Appenzenller	Khoa hội tự tự do toàn cầu	Ngành Biên dịch Tiếng Hàn Chuyên ngành	Xã hội nhân văn	
		Ngành Kinh doanh Nghệ thuật & Văn hóa		
		Ngành kinh doanh oàn cầu		
		Ngành Du lịch Y tế Quốc tế		
		Ngành IT Toàn cầu	Kỹ thuật	
			Ngành Công nghiệp làm đẹp & Thời trang	Nghệ thuật

L4. Sinh viên chuyển tiếp năm 2, chuyên ngành và số lượng

Khối	Tên khoa	Chuyên Ngành	Ngành	Số lượng		
Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn	Khoa Ngôn ngữ và Văn học Hàn Quốc Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc		Khoa nhân văn và khoa học xã hội	Không giới hạn		
	Khoa tiếng Nhật					
	Khoa Pháp luật Cảnh sát	Ngành cảnh sát học Ngành luật học				
	Khoa Hành chính công					
	Khoa Tư vấn tâm lý					
Viện quản trị	Quản trị kinh doanh					
	Khoa CNTT quản lý thông tin					
	Khoa thương mại quốc tế					
	Khoa Quản trị Du lịch					
	Khoa quản lý hàng không khách sạn					
	Khoa Dịch vụ Hàng không					
Viện Văn Hóa Nghệ Thuật	Khoa thông tin Truyền thông					
Viện Đời sống và Sức khỏe	Khoa công nghệ sinh học		Khoa học Tự nhiên			
	Khoa Dinh dưỡng & Thực phẩm					
	Khoa Ẩm thực & Nấu ăn					
	Khoa Trồng trọt và Lâm nghiệp					
	Khoa Y tế và Phúc lợi Y tế					
Viện Văn Hóa Nghệ Thuật	Khoa Thời trang & May mặc		Kỹ thuật			
Viện AI · SW-IT tổng hợp	Khoa Kỹ thuật Điện					
	Khoa công nghệ pin thông minh					
	Khoa công nghệ robot					
	Khoa Công nghệ Phần mềm	Khoa học máy tính				
		khoa học phần mềm				
		Khoa bảo mật thông tin				
	Khoa thiết kế game					
Khoa Drone và Kỹ thuật xây dựng đường sắt						
Viện Văn Hóa Nghệ Thuật	Khoa Kiến trúc Nội thất					
	Khoa kiến trúc cảnh quan					
Viện Đời sống và Sức khỏe	Khoa Phục hồi Chức năng & Phúc lợi Thể thao					
Viện Văn Hóa Nghệ Thuật	Khoa Nghệ thuật và Webtoon	Nghệ thuật và Webtoon (Tranh/Webtoon)	Nghệ thuật và thể thao			
		Ngành Hoạt hình Trò chơi				
	Khoa Thiết kế	Ngành Thiết kế Truyền thông				
		Ngành Thiết kế Công nghiệp				
	Khoa Quảng cáo, Quay phim & nhiếp ảnh					
	Khoa Chăm sóc Sắc đẹp					
	Khoa Nghệ thuật Biểu diễn					
	Khoa Thể thao Giải trí	Ngành Huấn luyện Thể thao & Phục hồi Sức khỏe				
Ngành Marketing Thể thao						
Viện Appenzenller	Khoa hội tụ tự do toàn cầu	Ngành Biên dịch Tiếng Hàn Chuyên ngành	Xã hội nhân văn			
		Ngành Kinh doanh Nghệ thuật & Văn hóa				
		Ngành Kinh doanh Toàn cầu				
		Ngành IT Toàn cầu	Kỹ thuật			

D. Sinh viên chuyển tiếp năm 3, chuyên ngành và số lượng

Khối	Tên khoa	Chuyên Ngành	Ngành	Số lượng	
Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn	Khoa Ngôn ngữ và Văn học Hàn Quốc Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc		Khoa nhân văn và khoa học xã hội	Không giới hạn	
	Khoa tiếng Nhật				
	Khoa Pháp luật Cảnh sát				
	Khoa Hành chính công				
	Khoa Tư vấn tâm lý				
Viện quản trị	Quản trị kinh doanh				
	Khoa CNTT quản lý thông tin				
	Khoa Kinh doanh Toàn cầu				
	Khoa Quản trị Du lịch				
	Khoa quản trị hàng không khách sạn				
	Khoa Dịch vụ Hàng không				
Viện Đời sống và Sức khỏe	Khoa Công nghệ sinh học		Khoa học Tự nhiên		
	Khoa Thực phẩm và Dinh dưỡng				
	Khoa Ẩm thực & Nấu ăn				
	Khoa Lâm vườn & Lâm nghiệp				
	Khoa Y tế và Phúc lợi Y tế				
Viện AI · SW-IT tổng hợp	Khoa Điện – Điện tử		Kỹ thuật		
	Khoa Pin thông minh				
	Khoa Công nghệ Drone & Robot				
	Khoa Xây dựng Đường sắt				
	Khoa Kỹ thuật Phần mềm	Ngành Khoa học Máy tính			
		Ngành Phần mềm học			
		Ngành An ninh Thông tin			
		Ngành Công nghệ Trò chơi			
Viện Văn Hóa Nghệ Thuật	Khoa Kiến trúc Nội thất		Nghệ thuật và thể thao		
	Khoa kiến trúc cảnh quan				
	Khoa Nghệ thuật và Webtoon	Nghệ thuật và Webtoon (Tranh/Webtoon)			
		Ngành Hoạt hình Trò chơi			
	Khoa Thiết kế	Ngành Thiết kế Truyền thông			
		Ngành Thiết kế Công nghiệp			
	Khoa Quảng cáo, Quay phim & nhiếp ảnh		Nhân văn và khoa học xã hội		
	Khoa thông tin Truyền thông				
	Khoa Thời trang & May mặc		Khoa học Tự nhiên		
	Khoa Chăm sóc Sắc đẹp				
	Khoa Nghệ thuật Biểu diễn		Nghệ thuật và thể thao		
		Khoa Thể thao Giải trí			Ngành Huấn luyện Thể thao & Phục hồi Sức khỏe
					Ngành Marketing Thể thao
	Khoa Hội nhập Toàn cầu	Ngành Biên dịch Tiếng Hàn Chuyên ngành	Nhân văn và khoa học xã hội		
		Ngành Kinh doanh Nghệ thuật & Văn hóa			

2. Sinh viên chuyển tiếp năm 4, chuyên ngành và số lượng

Khối	Tên khoa	Chuyên Ngành	Ngành	Số lượng	
Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn	Khoa Ngôn ngữ và Văn học Hàn Quốc Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc		Khoa nhân văn và khoa học xã hội	Không giới hạn	
	Khoa tiếng Nhật				
	Khoa Pháp luật Cảnh sát				
	Khoa Hành chính công				
	Khoa Tư vấn tâm lý				
Viện quản trị	Quản trị kinh doanh				
	Khoa CNTT quản lý thông tin				
	Khoa Quản lý Du lịch				
	Khoa quản lý hàng không khách sạn				
	Khoa Dịch vụ Hàng không				
	Khoa Kinh doanh Toàn cầu				
	Khoa Ẩm thực & Nấu ăn				
Viện Đời sống và Sức khỏe	Khoa Công nghệ sinh học		Khoa học Tự nhiên		
	Khoa Thực phẩm và Dinh dưỡng				
	Khoa Trồng trọt và Lâm nghiệp				
	Khoa Y tế và Phúc lợi Y tế				
Viện AI · SW-IT tổng hợp	Khoa Kỹ thuật Điện		Kỹ thuật		
	Khoa Công nghệ Phần mềm	Khoa học máy tính			
		khoa học phần mềm			
		Khoa bảo mật thông tin			
		Khoa thiết kế game			
	Khoa Công nghệ Drone & Robot				
	Khoa Drone và Kỹ thuật xây dựng đường sắt				
	Khoa Pin thông minh				
Viện Văn Hóa Nghệ Thuật	Khoa Kiến trúc Nội thất		Nghệ thuật và thể thao		
	Khoa kiến trúc cảnh quan				
	Khoa Nghệ thuật và Webtoon	Ngành Nghệ thuật & Webtoon			
		Ngành Hoạt hình Trò chơi			
	Khoa Thiết kế	Ngành Thiết kế Truyền thông			
	Khoa Quảng cáo, Quay phim & nhiếp ảnh				
	Khoa thông tin truyền thông		Nhân văn và khoa học xã hội		
	Khoa quần áo và thời trang		Khoa học Tự nhiên		
	Khoa Nghệ thuật biểu diễn		Nghệ thuật và thể thao		
	Khoa Thể thao Giải trí				
	Khoa chăm sóc sắc đẹp				

3. Điều kiện ứng tuyển và các giấy tờ cần thiết

가. Trình độ

Mục		Điều kiện	Chú ý
Sinh viên học bổng chính phủ		1. Những người đã được chọn là học sinh nhận học bổng do chính phủ tài trợ có cha, mẹ và bản thân đều là người nước ngoài (người nước ngoài thuần túy), đã tốt nghiệp (hoặc dự kiến) tốt nghiệp trung học ở Hàn Quốc hoặc nước ngoài, đã hoàn thành khóa đào tạo tiếng Hàn khóa học tại Hàn Quốc và đã vượt qua bài kiểm tra năng lực tiếng Hàn (TOPIK) cấp 3	0명
Sinh viên người nước ngoài	Nhập học mới	1. Ứng viên có bố, mẹ và bản thân đều là người nước ngoài (thuần túy là người nước ngoài), đã tốt nghiệp (dự kiến tốt nghiệp) cấp trung học phổ thông, và đạt TOPIK cấp 3 trở lên kì thi năng lực tiếng hàn hoặc đạt cấp 3 (MOPIK) kì thi năng lực tiếng hàn do Viện hàn ngữ của trường thực hiện (Tuy nhiên, đối với khoa học tự nhiên, kỹ thuật, nghệ thuật và giáo dục thể chất, có thể đăng ký TOPIK cấp 2 trở lên và phải hoàn thành hơn 300 giờ đào tạo tiếng Hàn trong một năm sau khi nhập học) 2. Ứng viên đạt 61 điểm trở lên ở kì thi đánh giá đầu vào của chương trình Hội nhập xã Hội của Bộ Tư pháp *Đối với các khoa liên kết tự do toàn cầu (chuyên ngành Nội dung Văn hóa Hallyu, Quản lý toàn cầu, CNTT toàn cầu), sinh viên nhập học đường đua tiếng Anh (đơn vị cử nhân với hơn 50% tín chỉ tốt nghiệp bằng tiếng Anh) trở lên là TOEFL 530, IBT 71, IELTS 5.5, CEFRB2 trở lên.	Không giới hạn số lượng
	Học chuyển tiếp	1. Toàn bộ ứng cử viên phải tốt nghiệp trung học phổ thông và có bằng TOPIK 3 trở lên. (Trường hợp sinh viên đăng kí các khoa kỹ thuật chỉ cần có TOPIK 2 trở lên, sau khi nhập học phải tham gia lớp đào tạo tiếng hàn 300 giờ/năm) 2. Ứng viên đạt 61 điểm trở lên ở kì thi đánh giá đầu vào của chương trình Hội nhập xã Hội của Bộ Tư pháp ※ Các sinh viên phải có TOPIK 4 để có thể tốt nghiệp a. Chuyển tiếp vào năm 2 - Sinh viên đã hoàn thành ít nhất 1 năm (2 học kì) của một trường đại học hệ 4 năm với số tín chỉ nhất định - Sinh viên đã tốt nghiệp (dự kiến tốt nghiệp) của một trường đại học hệ 2-3 năm với số tín chỉ nhất định b. Chuyển tiếp vào năm 3 - Sinh viên đã hoàn thành ít nhất 2 năm (4 học kì) của một trường đại học hệ 4 năm với số tín chỉ nhất định - Sinh viên đã tốt nghiệp (dự kiến tốt nghiệp) của một trường đại học hệ 2-3 năm với số tín chỉ nhất định c. Chuyển tiếp vào năm 4 - Sinh viên đã hoàn thành ít nhất 3 năm của một trường đại học hệ 4 năm với số tín chỉ nhất định ※ Chương trình chuyển tiếp năm 4 chỉ có tại một số khoa nhất định	

ㄴ. Hồ sơ cần nộp

STT	Tên giấy tờ	Số lượng	học bổng g chính h phủ	Sinh viên nước ngoài		Lưu ý
				Nhập học mới	Chuyển tiếp	
1	Đơn xin nhập học theo mẫu quy định của nhà trường	1부	●	●	●	Đăng ký Uway
2	Giấy đồng ý học theo mẫu quy định của nhà trường	1부			●	
3	Bằng tốt nghiệp THPT (công chứng + xác nhận lãnh sự quán)	1부	●	●		Bảng cấp cao nhất
4	Bảng điểm THPT (công chứng + xác nhận lãnh sự quán)	1부	●	●		
5	Giấy chứng nhận hoàn thành đại học trước đây, giấy chứng nhận tốt nghiệp (dự kiến) (công chứng + xác nhận lãnh sự quán)	1부			●	
6	Bảng điểm đại học trước đây (công chứng + xác nhận lãnh sự quán)	1부			●	
7	Sổ hộ khẩu hoặc giấy CT07 (giấy tờ xác nhận mối quan hệ gia đình) (công chứng)	1부	●	●	●	Bố mẹ tất cả đều phải là người nước ngoài. Thông tin của bố mẹ phải được liệt kê trong sổ hộ khẩu. Nếu có người giám hộ khác, học sinh nộp giấy tờ chứng nhận mối quan hệ
8	Chứng minh thư/Thẻ căn cước người nước ngoài của bố mẹ và người ứng tuyển (Bản sao)	1부	○	○	○	Chỉ dành cho người nước ngoài cư trú tại Hàn Quốc
9	- Giấy chứng nhận kỳ thi năng lực tiếng Hàn (TOPIK cấp 3 trở lên) - Giấy chứng nhận đạt kỳ thi năng lực tiếng Hàn học thuật do viện Hàn ngữ của trường tổ chức (cấp 3 trở lên) - Chương trình hội nhập xã hội KIIP trên 61 điểm(사전평가)	1부	●	●	●	Khoa học và kỹ thuật TOPIK cấp 2 trở lên có thể đăng ký
10	Giấy chứng nhận sinh viên học bổng do chính phủ mời	1부	●			sinh viên học bổng chính phủ
11	Bản sao hộ chiếu	1부	●	●	●	
12	Giấy xác nhận số dư chứng minh tài chính ※ Trên 16 triệu won (đứng tên cá nhân hoặc cha mẹ) (Còn hạn trên 1 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ)	1부		●	●	Hồ sơ nộp trường: học sinh đang học hoặc đã hoàn thành khóa học và học sinh trao đổi tại viện Hàn ngữ của trường có thể thay thế bằng giấy chứng nhận đang học hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa học tại trường khi nộp hồ sơ đại học * Tuy nhiên khi đổi visa: dù là với học sinh đang học khóa tiếng ở trường, cũng phải nộp giấy xác nhận số dư theo yêu cầu riêng khi gia hạn visa

※ Dấu ● là tài liệu bắt buộc và dấu ○ là tài liệu chỉ được gửi bởi người có liên quan.

※ Các giấy tờ bằng tiếng nước ngoài không phải tiếng Hàn và tiếng Anh phải được nộp kèm theo bản dịch tiếng Hàn gốc có công chứng.

※ Theo quy định, phải nộp các tài liệu gốc. Nếu không thể tránh khỏi việc nộp bản sao, hãy mang theo bản gốc và phải nhận được sự kiểm tra từ người phụ trách tổ tuyển sinh.

4. Phương pháp sàng lọc và tuyển chọn (dành cho sinh viên mới và chuyển tiếp)

가. Phương pháp sàng lọc

1) Sinh viên nhận học bổng do chính phủ tài trợ và tuyển sinh đặc biệt dành cho công dân nước ngoài có cha mẹ đều là người nước ngoài chỉ được sàng lọc thông qua sàng lọc tài liệu.

Các bài kiểm tra trình diễn được thực hiện cho các sinh viên mới của Khoa Nghệ thuật Biểu diễn.

2) Khoa Mỹ thuật hoạt hình webtoon chỉ được chuyển tiếp ngành cùng khối

나. Phương pháp tuyển sinh

1) Sinh viên nhận học bổng do chính phủ tài trợ và tuyển sinh đặc biệt cho người nước ngoài có cha mẹ đều là người nước ngoài

Đó là một nguyên tắc để lựa chọn ứng viên thành công nếu không có bất thường

2) Nếu một số tài liệu cần nộp không thể nộp tại quốc gia liên quan, các tài liệu vì lý do không thể nộp sẽ được chấp nhận khi nộp

5. Lệ phí nộp đơn và ghi chú

A. Phí đăng ký

Hình thức	Lệ phí	Phí	Tổng
Sinh viên học bổng chính phủ	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí
Sinh viên nước ngoài	50,000원	5,000원	55,000원

B. Chú ý

1) Nếu thông tin liên hệ được nhập sai (địa chỉ và số điện thoại) trên mẫu đơn đăng ký không thể liên lạc để thông báo các thông tin tới học sinh thì có thể bị hủy kết quả nhập học, vậy thì trong trường hợp này bạn sẽ bị bất lợi và không thể phản đối kết quả vì bất kỳ lý do gì.

2) Thắc mắc xin liên hệ: Văn phòng nhập học trường [Tel : 042-520-5006], [Fax: 070-4850-8305]

C. Cách điền vào mẫu đơn

Vào trang đăng kí đơn ứng tuyển ([vào trang chủ uway apply](#))



Điền vào đơn đăng ký sau đó in ra và kiểm tra lại sai sót



Nếu không có sai sót gì thì in ra và gửi cùng toàn bộ hồ sơ còn lại cho bộ phận tuyển sinh

2026학년도 배재대학교 부모 모두 외국인인
외국인 특별전형 신입학 입학원서

수험 번호	*
----------	---

전형유형 (해당란에 ✓)		☒ 부모 모두 외국인인 외국인 ☒ 정부초청장학생									
지 원 자	성 명	(한글) 배재인			(영문) Pai Chai In						
	국 적	본인	중국	부	중국	모	중국				
	성 별	남			생년월일	1990년 12월 25일					
	여권번호				외국인 등록증번호						
	최종학력	학교명	방정현학교								
		과정구분	고등학교 ☒								
졸업구분		(3)학년 수료 ☐ 졸업 ☒									
모집단위	경영학과		모집단위 코드번호	7	2	4	전공 약기				
수학기간	학력사항		재학학 년	한국 학교에 해당하는 과정		외국학교 소재지					
1900. 9 ~ 1906. 8	방정현초등 학교		6	초등학교		중국 흑룡강성					
1996. 9 ~ 1999. 8	방정현중 학교		3	중학교		중국 흑룡강성					
1999. 9 ~ 2002. 8	방정현고등 학교		3	고등학교		중국 흑룡강성					
	학교										
연 락 처	주 소	국내 : 배재고등학교 PAITEL 00호 00실									
		본국 : 중국 흑룡강성 하얼빈시 방정현건설로 15-5									
	E-mail	paichaiin@pcu.ac.kr									
	비상연락처(본인) : 이름(배재인) 전화번호(000-0000-0000)										
	비상연락처(국내) : 이름(배재우) 전화번호(000-0000-0000) 관계(친구)										
	비상연락처(본국) : 이름(배재부) 전화번호(00-0000000000) 관계(부)										
본인은 배재대학교에 신입학하고자 소정의 서류를 갖추어 지원합니다. 년 월 일 지원자 성명 : 배 재 인 (서명 또는 날인) 배재대학교 총장 귀하							유웨이				

※ 한국어로 작성하여야 하며, * 표시 란은 작성하지 마십시오.

2026학년도 배재대학교 부모 모두 외국인인
외국인 특별전형 편입학 입학원서

수험 번호	*
----------	---

전형유형 (해당란에 ✓)		☒ 부모 모두 외국인인 외국인											
전형구분 (해당란에 ✓)		2학년 편입 ☒ 3학년 편입 ☒ 4학년 편입 ☒											
지 원 자	성 명	(한글) 배재인			(영문) Pai Chai In								
	국 적	본인	중국		부	중국		모	중국				
	성 별	여			생년월일	1990년 12월 25일							
	여권번호				외국인 등록증 번호								
	최종학력	학교명	하얼빈검교학원										
		과정구분	무역 학과 2,3년제 대학 ☒ 4년제 대학교 ☐										
졸업구분		(2)학년 수료 ☒ 졸업 ☐											
모집단위		무역학과			모집단위 코드번호	8	2	4	전공 약기				
수학기간		학력사항			재학학년	한국 학교에 해당하는 과정			외국학교 소재지				
2005. 9~2007. 8		하얼빈검교학원			3	3년제 대학교			중국 흑룡강성				
연 락 처		주 소	국내 : 배재대학교 PAITEL 00호 00실										
			본국 : 중국 흑룡강성 하얼빈시 장양로 1389										
		E-mail	paichaiin@pcu.ac.kr										
		비상연락처(국내) : 이름(배재인) 전화번호(000-0000-0000)											
		비상연락처(국내) : 이름(배재우) 전화번호(000-0000-0000) 관계(친구)											
		비상연락처(본국) : 이름(배재부) 전화번호(00-0000000000) 관계(부)											
본인은 배재대학교에 편입학하고자 소정의 서류를 갖추어 지원합니다. 년 월 일 지원자 성명 : 배 재 인 (서명 또는 날인) 배재대학교 총장 귀하												유웨이	

※ 한국어로 작성하여야 하며, * 표시 란은 작성하지 마십시오.



*(해외학교공식명칭 : 영문 또는 재학국언어)

School Name : ex) (tại đây ghi tên trường đại học đã học) VIET NAM UNIVERSITY

*(해외학교공식주소 : 영문 또는 재학국언어)

Address : ex) (tại đây ghi địa chỉ của trường đã học) VIET NAM- HA NOI- THANH XUAN-....

Subject : Transfer Student Information

To Whom it may concern :

*(해외학교에 등록된 본인이름)

We are pleased to have the following individual, ex) (tên học sinh) NGUYEN VAN A transferred from your school, to study here at Pai Chai University. Your answers to the following questions are appreciated and will be held confidentially. For your reference, the student's Letter of Agreement is below.

If possible, a response from your office by fax will greatly help to expedite our processing of this individual's application. Thank you for cooperation.

Sincerely yours,
Wook Kim, PH. D.
President Pai Chai University

LETTER OF AGREEMENT

To whom it may concern :

I have applied to Pai Chai University in Daejeon, Korea for the 2026 academic year. In this regard, I would like to request your full assistance to Pai Chai University when they contact you regarding verification of enrollment and transcripts.

Written by applicant (지원자기록)	Verified by previously attended school (해외 학교 담당자 기록)
Is the credit that you acquired in university or college authorized by the Ministry of Education or an equivalent government agency? (해당국가 교육부가 인정하는 대학 또는 귀교에서 취득한 학점이 교육부나 이에 상응하는 정부기관에서 인정을 받으니까?)	☐ Yes ☐ No
Is it a 4 year degree program or 2~3 year diploma program? (몇 년제 대학입니까?)	☐ four year ☐ three year ☐ two year
Date of birth : _____	☐ Correct ☐ Incorrect
Date of admission(transfer from previous school): _____	☐ Correct ☐ Incorrect
Date of graduation(transfer from previous school): _____	☐ Correct ☐ Incorrect
Name and Signature : _____ Date : _____	Additional comments : _____ Printed Name and Signature : _____